TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số 01/2025/HC-GĐT
Ngày 22/5/2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào** và ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Nhật** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", giữa:

1. Người khởi kiện:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: tổ dân phố H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: nhà số F đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Đỗ Tất L1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Đỗ Tất L2, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: ông Lê Thanh T; địa chỉ cư trú: thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện tại: nhà số A đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số A đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Văn H; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T1; chức vụ: Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn N; chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật giải phóng mặt bằng Trung tâm P; địa chỉ: số F đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Về nguồn gốc sử dụng đất của các hộ dân:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ sử dụng thửa đất số 145, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 7.051,8m^2 có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 16Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 15/8/2012 đến ngày 31/12/2035.

- Bà Nguyễn Thị L sử dụng thửa đất số 146, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 3.286,8m^2 có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 69AĐ1/2013/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 10/9/2013 đến ngày 31/12/2039.

- Ông Nguyễn Văn M sử dụng thửa đất số 67, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 5.100,3m^2 có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 05Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 18/5/2012 đến ngày 31/12/2035.

- Ông Đỗ Tất L1 sử dụng thửa đất số 70, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 9.511,6m^2 có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 151/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/6/2012 đến ngày 31/12/2035.

- Ông Đỗ Tất L2 sử dụng thửa đất số 86, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 8.690,3m^2 có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 152/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/02/2012 đến ngày 31/12/2035.

(Các thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk thu hồi giao Trung tâm P quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016).

Tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 UBND tỉnh Đ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại phường T, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ với số tiền: (1) Nguyễn Thị Hồng Đ 2.402.956.894 đồng, (2) Nguyễn Thị L 902.526.722 đồng, (3) Nguyễn Văn M 962.911.509 đồng, (4) Đỗ Tất L1 2.079.193.528 đồng, (5) Đỗ Tất L2 2.444.371.704 đồng. Các hộ đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 07/10/2022 và bàn

giao mặt bằng thửa đất thu hồi.

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là ông* Lê Thanh T *trình bày:*

Đối với 05 thửa đất nêu trên của 05 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022. Tuy nhiên, UBND thành phố B mới chỉ phê duyệt các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nhưng chưa phê duyệt khoản hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, việc không phê duyệt hỗ trợ khác là xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của 05 hộ gia đình.

Đối chiếu theo quy định tại điểm d Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì 05 hộ gia đình bà Đ, bà L, ông M, ông L1 và hộ ông L2 đáp ứng các điều kiện được hưởng hỗ trợ khác, cụ thể: là hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán (có các Hợp đồng giao khoán); thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (vì 02 khoản hỗ trợ này đã được phê duyệt trong Phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố B nêu trên); đất đã được UBND tỉnh thu hồi, giao địa phương, tổ chức dịch vụ công quản lý,…; tại thời điểm lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất vì Nhà nước thu hồi đất năm 2017 nhưng đến năm 2022 thì UBND thành phố B mới phê duyệt Phương án bồi thường tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022. Việc UBND thành phố B không phê duyệt khoản hỗ trợ khác là xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện, do đó đề nghị Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hạ tầng giao thông Khu dân cư P phường T, thành phố B đối với 05 hộ gia đình gồm Đỗ Tất L2, Đỗ Tất L1, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn M.

- Buộc UBND thành phố B phải phê duyệt bổ sung khoản kinh phí hỗ trợ khác đối với 05 hộ gia đình nêu trên theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

** Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

- Đối với nội dung 05 hộ gia đình khởi kiện yêu cầu phê duyệt bổ sung khoản kinh phí hỗ trợ khác đối với diện tích đất bị thu hồi:

Căn cứ kết quả xác minh thực trạng lao động của UBND phường T thì 05 hộ gia đình nêu trên trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi. Do đó, tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, UBND thành phố B đã áp dụng khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ cho 05 hộ với số tiền: bà Nguyễn Thị Hồng Đ 998.372.800 đồng, bà Nguyễn Thị L 488.100.000 đồng, ông Nguyễn Văn M 452.250.667 đồng, ông Đỗ Tất L1 1.902.320.000 đồng và ông Đỗ Tất L2 1.608.846.000 đồng. Do đó, những hộ này không được áp dụng khoản hỗ trợ khác quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (nội dung này đã được UBND tỉnh Đ phúc đáp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023). Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 05 hộ gia đình trên do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của những người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2024/HC-ST ngày 24/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người khởi kiện:

- Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ khi thu hồi thửa đất số 145; bà Nguyễn Thị L khi thu hồi thửa đất số 146, ông Nguyễn Văn M khi thu hồi thửa đất số 67, ông Đỗ Tất L1 khi thu hồi thửa đất số 70, ông Đỗ Tất L2 khi thu hồi thửa đất số 86 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ khi thu hồi thửa đất số 145; bà Nguyễn Thị L khi thu hồi thửa đất số 146, ông Nguyễn Văn M khi thu hồi thửa đất số 67, ông Đỗ Tất L1 khi thu hồi thửa đất số 70, ông Đỗ Tất L2 khi thu hồi thửa đất số 86 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 88/QĐ-VKS-HC ngày 14/11/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm nêu trên để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, với nhận định như sau:

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m^2 đất sản xuất nông nghiệp của Công ty TNHH MTV C do Công ty giải thể và giao diện tích đất này cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và UBND thành phố B để lập kế hoạch khai thác, sử dụng đất trong đó có 05 thửa đất các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ, ông Đỗ Tất L2, ông Đỗ Tất L1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M nhận khoán cũng bị thu hồi theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh Đ. Như vậy, kể từ khi Quyết định số 374/QĐ-UBND và Quyết định số 07/QĐ-UBND có hiệu lực pháp luật thì 05 hộ dân nói trên đã chấm dứt quyền sử dụng đất về mặt pháp lý, do đó họ không thuộc đối tượng được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quyết định số 14 /2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Mặc dù từ năm 2016, 2017 Nhà nước đã thu hồi đất nhưng 05 hộ gia đình trên vẫn tiếp tục canh tác, sử dụng đất trái phép đến ngày UBND thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 phê duyệt lại Phương án bồi thường, hỗ trợ (thời gian sử dụng đất trái phép khoảng 05 năm) và đã hưởng lợi toàn bộ từ nguồn thu nhập ổn định sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đã bị thu hồi; hơn nữa Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B đã áp dụng hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND. Như vậy, quyền lợi hợp pháp của 05 hộ gia đình trên không những không bị ảnh hưởng mà đã được Nhà nước hỗ trợ theo hướng có lợi cho họ. Do đó, UBND thành phố Buôn Ma T2 không phê duyệt bồi thường đối với khoản hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ, ông Đỗ Tất L2, ông Đỗ Tất L1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2024/HC-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ, trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của nhà nước.

* Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] 05 hộ dân gồm: ông Đỗ Tất L2, ông Đỗ Tất L1, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M là những hộ nhận giao khoán với Công ty TNHH MTV C, cụ thể:

- Thửa đất số 145, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 7.051,8m^2 là đất do bà Nguyễn Thị Hồng Đ nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 16Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 15/8/2012 đến ngày 31/12/2035.

- Thửa đất số 146, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 3.286,8m^2 là đất do bà Nguyễn Thị L nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 69AĐ1/2013/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 10/9/2013 đến ngày 31/12/2039.

- Thửa đất số 67, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 5.100,3m^2 là đất do ông Nguyễn Văn M nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 05Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 18/5/2012 đến ngày 31/12/2035.

- Thửa đất số 70, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 9.511,6m^2 là đất do ông Đỗ Tất L1 nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 151/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/6/2012 đến ngày 31/12/2035.

- Thửa đất số 86, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 8.690,3m^2 là đất do ông Đỗ Tất L2 nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 152/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/02/2012 đến ngày 31/12/2035.

[2] Các thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016. Theo Quyết định số 10482/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1). Cả 05 hộ dân đều trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nên thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hộ bà Đ nhận 2.402.956.894 đồng, hộ bà L nhận 902.526.722 đồng, hộ ông M nhận 962.911.509 đồng, hộ ông L1 nhận 2.079.193.528 đồng và hộ ông L2 nhận 2.444.371.704 đồng.

[3] Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất: *Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.*

Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định: *Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số* ị định 01/2017/NĐ-CP" *01/2017/NĐ-CPnhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T3 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp...nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao*

khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng…thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 quy định này.

Thấy rằng, ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C, trong đó có phần đất giao khoán của 05 hộ dân nhưng đến ngày 23/12/2022, UBND thành phố B mới ban hành Quyết định số 10482/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

[4] Đối chiếu quy định trên thì có cơ sở xác định 05 hộ dân trên thuộc trường hợp: *Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng…thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi.*

Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B không lập phương án hỗ trợ khác cho 05 hộ dân nêu trên là thiếu sót. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ mới, trong đó bổ sung khoản hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho 05 hộ dân là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 88/QĐ-VKS-HC ngày 14/11/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 1 Điều 272 của Luật Tố tụng hành chính;

2. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 88/QĐ-VKS-HC ngày 14/11/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2024/HC-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TANDTC – Vụ giám đốc kiểm tra IV;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GĐT,TT, Phòng lưu trữ; HSVA.

Vũ Thanh Liêm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào **Lê Văn Thường** **Vũ Thanh Liêm**

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tào **Lê Văn Thường** **Vũ Thanh Liêm**